

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ 01/01/2018 tới ngày 30/06/2018

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH
THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~347~~BC/CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 08 năm 2018

V/v: Giải trình lợi nhuận BCTC hợp nhất
giữa niên độ đã được soát xét năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 .

Công ty giải trình lợi nhuận báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét năm 2018 tăng so với năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	78.223.730.441	76.147.416.123	102,73
Doanh thu hoạt động tài chính	1.655.632.456	1.171.867.161	141,28
Chi phí tài chính	6.704.481.673	6.710.244.342	99,91
Lợi nhuận sau thuế	4.532.048.476	4.098.643.935	110,57

Nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2.076.314.318 đồng, tương đương tăng 2,73 %.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 483.765.295 đồng, tương đương tăng 41,28% do các khoản tiền gửi đến kỳ đáo hạn.

=> Tỷ lệ tăng doanh thu cao hơn tỷ lệ tăng chi phí dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 cao hơn 6 tháng đầu năm 2017 = 433.404.541 đồng, tương đương tăng 10,57%.

Vậy Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên xin được giải trình để Ủy ban chứng khoán Nhà nước được rõ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Quang Mãi

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	[10] - [11]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	[12] - [38]

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên, (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2009 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600100109 thay đổi lần thứ 05 ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Đình Thực	Thành viên
Ông Nông Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc

Ông Trương Đình Thực	Tổng Giám đốc
Ông Nông Quốc Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Bá Quyết	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Học	Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng Ban	
Ông Vy Văn Minh	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 05/06/2018)
Bà Thân Hương Lan	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 05/06/2018)
Bà Hoàng Thị Huệ	Kiểm soát viên	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Ban Tổng giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Quang Mãi

Số: 81/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 8.4 phần Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018, Lợi nhuận trước thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động của các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai, Trạm Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Nước sạch Đầm Thụy (Đây là các Xí nghiệp thuộc Công ty được UBND Tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên). Theo công văn số 3331/UBND-KTTH ngày 02/12/2014 của UBND Tỉnh Thái Nguyên về thực hiện thông báo số 811/TB-BTC ngày 10/11/2014 của Bộ tài chính, công văn yêu cầu Sở Tài chính phối hợp Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục quản lý giá tham mưu cho UBND tỉnh hoàn thiện đề án bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và giải quyết bù trừ lỗ của các Xí nghiệp nước sạch các huyện, từ nguồn cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND tỉnh Thái Nguyên vẫn chưa giải quyết bù trừ lỗ cho Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành
nghề kiểm toán số 0162-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a – HN/DN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.982.710.389	113.834.451.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.054.813.554	15.657.828.129
1. Tiền	111	5.1	10.640.335.662	15.253.634.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.414.477.892	404.193.303
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	15.221.431.702	55.217.730.287
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.221.431.702	55.217.730.287
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.846.781.352	25.102.225.756
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	20.255.488.399	20.767.691.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	17.799.092.600	2.890.862.600
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	9.936.790.830	4.585.773.098
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(3.144.590.477)	(3.144.590.477)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.489.447
III. Hàng tồn kho	140	5.5	16.674.004.816	16.874.799.252
1. Hàng tồn kho	141		18.445.000.718	18.645.795.154
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.770.995.902)	(1.770.995.902)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		185.678.965	981.868.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	185.203.665	479.864.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	501.528.229
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	475.300	475.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		360.573.087.601	374.455.727.959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		537.042.000	537.042.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		537.042.000	537.042.000
II. Tài sản cố định	220		346.622.965.292	361.163.228.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	346.577.733.034	361.107.196.077
- Nguyên giá	222		572.841.652.023	572.613.152.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(226.263.918.989)	(211.505.955.946)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	45.232.258	56.032.258
- Nguyên giá	228		108.000.000	108.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.767.742)	(51.967.742)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.400.642.279	5.371.844.471
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	5.400.642.279	5.371.844.471
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.012.438.030	7.383.613.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	8.009.834.323	7.380.658.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.603.707	2.954.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488.555.797.990	488.290.179.612

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – HN/DN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		244.609.470.792	237.718.058.014
I. Nợ ngắn hạn	310		107.076.112.480	96.985.534.160
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	18.536.099.944	25.069.758.759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.633.070.754	1.515.470.863
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	9.618.933.345	4.477.706.074
4. Phải trả người lao động	314		9.717.687.575	10.849.739.513
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.311.560.138	3.622.992.771
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	54.777.881.191	45.630.690.125
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	3.522.119.772	4.002.919.772
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.958.759.761	1.816.256.283
II. Nợ dài hạn	330		137.533.358.312	140.732.523.854
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.10	50.591.950	50.591.950
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	137.424.102.732	140.681.931.904
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.17	58.663.630	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	243.946.327.198	250.572.121.598
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	243.928.319.598	250.548.113.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		107.705.310.448	107.705.310.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.814.713.970	10.929.699.327
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(38.591.704.820)	(28.086.895.777)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(43.123.753.296)	(31.937.054.268)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.532.048.476	3.850.158.491
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		18.007.600	24.007.600
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		18.007.600	24.007.600
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		488.555.797.990	488.290.179.612

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Thị Thanh Minh

Nguyễn Cẩm Tú

Nguyễn Quang Mai

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B 02a –HN/ DN

Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	78.223.730.441	76.147.416.123
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78.223.730.441	76.147.416.123
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	33.623.852.820	31.633.124.314
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.599.877.621	44.514.291.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.655.632.456	1.171.867.161
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6.704.481.673	6.710.244.342
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.352.264.205	5.322.659.456
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	23.476.049.947	24.157.748.659
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	8.963.250.827	8.249.570.680
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.111.727.630	6.568.595.289
12. Thu nhập khác	31	6.6	2.513.654	194.594.096
13. Chi phí khác	32	6.7	-	19.924.548
14. Lợi nhuận khác	40		2.513.654	174.669.548
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.114.241.284	6.743.264.837
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.523.178.257	2.644.411.183
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	59.014.551	209.719
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.532.048.476	4.098.643.935
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ			4.532.048.476	4.098.643.935
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát			-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		541	552

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Thanh Minh



Nguyễn Cẩm Tú



Nguyễn Quang Mãi

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – HN/DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.114.241.284	6.743.264.837
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		14.716.394.645	14.025.716.525
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.655.632.456)	(1.384.048.979)
- Chi phí lãi vay	06		5.352.264.205	5.322.659.456
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.527.267.678	24.707.591.839
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.730.928.388)	7.072.822.901
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		200.794.436	(2.601.154.830)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		884.914.248	(10.733.746.422)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(334.514.763)	1.333.009.855
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.352.264.205)	(5.382.201.609)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.018.145.486)	(1.928.879.528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	95.448.730
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(559.871.000)	(102.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.382.747.480)	12.460.790.936
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.185.718.043)	(6.369.508.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	222.381.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.701.415)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.000.000.000	22.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.707.781.535	1.228.295.116
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		40.518.362.077	17.081.168.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Tổ 1, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a – HN/DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.738.629.172)	(4.952.888.486)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(3.936.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.738.629.172)	(8.888.888.486)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		35.396.985.425	20.653.070.750
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.657.828.129	23.734.351.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		51.054.813.554	44.387.422.713

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch HĐQT





Nguyễn Thị Thanh Minh

Nguyễn Cẩm Tú

Nguyễn Quang Mãi

